

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Thông tin chung	2 - 3
3. Báo cáo của người đại diện theo pháp luật	4
4. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
5. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	7 - 10
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	11
7. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	12 - 13
8. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	14 - 40

THÔNG TIN CHUNG**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Nghệ An.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240, đăng ký lần đầu ngày 9 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An 07 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó lần thứ 07 vào ngày 07 tháng 6 năm 2024 do thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Khai thác, Sản xuất, cung cấp và dịch vụ kinh doanh nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ).

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0383.844208
- Fax : 0388.668118

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xã Lương Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Xã Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Xã Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Xã Đại Đồng, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Xã Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Xã Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Xã Mường Xén, tỉnh Nghệ An

Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên

Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Châu	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Ban điều hành

Các thành viên Ban điều hành trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bá Quý - Chủ tịch và Ông Hoàng Văn Hải - Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C được chỉ định là công ty kiểm toán của Công ty.

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban điều hành đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công bố của người đại diện theo pháp luật

Theo ý kiến của người đại diện theo pháp luật, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Hoàng Văn Hải

Ngày 14 tháng 8 năm 2026

Số: 2.0550/26/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2026, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Tại ngày 30/6/2026, Công ty ghi nhận trên khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn” khoản chi phí mua nước thô phải trả cho Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam trong giai đoạn từ ngày 01/02/2021 đến ngày 30/6/2026 với số tiền 140.133.782.998 VND (xem Thuyết minh V.19 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính), do Công ty và đối tác cung cấp nước thô chưa thống nhất được đơn giá thanh toán. Chi phí nước thô đã được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này là 5.200.000.000 VND (cùng kỳ năm trước: 6.825.000.000 VND). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá cơ sở xác định sản lượng nước và đơn giá thanh toán, nghĩa vụ phải trả liên quan, tính hợp lý của số dư dự phòng phải trả ngắn hạn và khoản chi phí nước thô đã ghi nhận trong kỳ.



- Trong năm 2024, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao và áp dụng khấu hao nhanh đối với một số tài sản cố định. Thay đổi này vẫn tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá tính hợp lý của sự thay đổi nêu trên. Nếu Công ty áp dụng nhất quán thời gian khấu hao theo chính sách được áp dụng trước khi có sự thay đổi trong năm 2024, khoản mục “Giá vốn” kỳ này và kỳ trước sẽ giảm lần lượt là 18.007.934.815 VND và 25.591.038.383 VND, khoản mục “Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình” tại ngày 30/6/2026 và 01/01/2026 sẽ giảm lần lượt là 104.327.368.736 VND và 86.319.433.921 VND, và các khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính cũng sẽ thay đổi tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa – Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2023-008-1
Người được ủy quyền
Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		428.199.554.682	359.933.192.604
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	133.174.652.995	176.477.469.071
1. Tiền	111		116.676.477.132	18.365.037.692
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.498.175.863	158.112.431.379
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		178.924.428.685	77.338.351.066
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2a	178.924.428.685	77.338.351.066
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		43.035.788.949	31.776.741.723
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	37.691.112.079	34.598.690.591
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	17.039.921.530	6.616.770.083
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	10.394.229.406	8.137.666.635
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.6	(22.089.474.066)	(17.576.385.586)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		72.899.054.696	73.932.986.454
1. Hàng tồn kho	141	V.7	72.899.054.696	73.932.986.454
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		165.629.357	407.644.290
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.8a	162.231.979	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		-	341.753.291
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.14	3.397.378	65.890.999
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		354.994.583.325	393.271.665.947
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	500.000.000	500.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		321.885.949.609	368.188.735.813
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	321.588.919.925	367.849.718.471
- Nguyên giá	222		1.317.047.825.550	1.316.716.125.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(995.458.905.625)	(948.866.407.079)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	297.029.684	339.017.342
- Nguyên giá	228		837.400.000	837.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(540.370.316)	(498.382.658)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		20.448.507.586	8.688.724.104
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	20.448.507.586	8.688.724.104
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		10.337.789.895	13.282.953.446
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2b	13.790.916.000	13.790.916.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2b	(3.453.126.105)	(507.962.554)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		1.822.336.235	2.611.252.584
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	1.822.336.235	2.611.252.584
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		783.194.138.007	753.204.858.551

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		383.180.770.400	353.554.703.017
I. Nợ ngắn hạn	310		296.903.751.078	254.107.189.307
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	50.028.772.028	56.245.664.302
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.854.323.809	3.044.724.828
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.14	2.777.573.429	496.441.740
5. Phải trả người lao động	315	V.15	27.125.716.432	18.187.774.600
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.16	29.711.399.449	2.753.790.626
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17	8.332.468.774	7.289.127.474
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18a	26.525.779.458	26.697.189.671
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.19	140.133.782.998	134.933.782.998
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	7.413.934.701	4.458.693.068
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		86.277.019.322	99.447.513.710
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.18b	86.277.019.322	99.447.513.710
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	400.013.367.607	399.650.155.534
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.835.083.901	6.088.714.651
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.318.453.706	19.701.610.883
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	420a		-	19.701.610.883
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		3.318.453.706	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		783.194.138.007	753.204.858.551

Hoàng Việt Nga
Người lập biểuTrần Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Hoàng Văn Hải
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	229.419.824.476	173.527.168.648
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		229.419.824.476	173.527.168.648
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	149.828.351.382	142.802.089.308
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		79.591.473.094	30.725.079.340
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	4.172.756.884	1.359.875.369
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	6.111.337.589	3.838.009.654
Trong đó: chi phí đi vay	24		3.166.174.038	3.714.090.020
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.357.438.602	8.024.165.391
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	44.529.199.060	18.265.358.812
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.766.254.727	1.957.420.852
12. Thu nhập khác	31	VI.7	379.670.455	433.128.295
13. Chi phí khác	32	VI.8	11.033.473.852	816.160.815
14. Lợi nhuận khác	40		(10.653.803.397)	(383.032.520)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.112.451.330	1.574.388.332
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	7.793.997.624	315.412.296
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.318.453.706</u>	<u>1.258.976.036</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>75</u>	<u>(6)</u>
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>75</u>	<u>(6)</u>

Hoàng Việt Nga
Người lập biểuTrần Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Hoàng Văn Hải
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		256.040.480.161	192.755.790.838
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(102.501.299.215)	(72.648.572.853)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(47.583.455.122)	(38.093.509.464)
4. Chi phí đi vay đã trả	04		(3.287.592.404)	(3.835.508.385)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	(6.514.937.121)	(739.132.378)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.794.729.519	6.324.366.706
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(30.306.743.571)	(17.750.485.132)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		73.641.182.247	66.012.949.332
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.000.000.000)	(10.345.495.462)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.003.100.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(160.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.005.260.274	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.388.493.151	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(103.606.246.575)	9.657.604.538

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(13.337.751.748)	(13.374.040.199)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.337.751.748)	(13.374.040.199)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(43.302.816.076)	62.296.513.671
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	176.477.469.071	111.185.050.301
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	133.174.652.995	173.481.563.972


Hoàng Việt Nga
Người lập biểu

Trần Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Hoàng Văn Hải
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: khai thác, sản xuất, cung cấp và dịch vụ kinh doanh nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh dịch vụ).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 02/02/2026, UBND tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 373/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá tiêu thụ sản phẩm nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An sản xuất, cung ứng. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 12/02/2026. Bên cạnh việc giá bán nước sạch được điều chỉnh theo Quyết định nêu trên, sản lượng nước tiêu thụ trong 6 tháng đầu năm 2026 cũng tăng so với cùng kỳ năm 2025. Các yếu tố này đã góp phần làm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong kỳ tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước.

6. Số lượng người lao động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 449 nhân viên (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026: 449 nhân viên).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này. Trong kỳ, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính ("Thông tư 99") thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"). Theo đó, một số khoản mục trên Báo cáo tài chính đã được tái phân loại và đổi tên theo quy định mới. Số liệu cột "Số đầu năm" và cột "Kỳ trước" trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được trình bày lại theo cách phân loại và tên gọi mới của Thông tư 99 để đảm bảo tính so sánh được. Các thay đổi này không làm ảnh hưởng đến tổng giá trị tài sản, tổng nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế của Công ty.

8. Thông tin khác

Ngày 24/6/2026, Công ty nhận được Công văn số 2785/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo Công ty không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 11 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 do Công ty có 68 cổ đông không phải cổ đông lớn sở hữu 9,93% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết (dưới 10%) tại ngày chốt thực hiện quyền ngày 02/6/2026.

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sẽ tiếp tục theo dõi việc đáp ứng điều kiện công ty đại chúng của Công ty sau 01 năm kể từ ngày 02/6/2026. Trường hợp Công ty vẫn không đáp ứng điều kiện theo quy định thì Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thực hiện thủ tục hủy tư cách công ty đại chúng theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do các giao dịch chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 99”) và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp mới

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Việc chuyển đổi sang Thông tư 99 được thực hiện theo các phương pháp sau:

- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 có hướng dẫn chuyển đổi cụ thể, Công ty thực hiện theo hướng dẫn đó.
- Đối với các thay đổi chính sách kế toán mà Thông tư 99 không có quy định phải điều chỉnh hồi tố hoặc hồi tố đơn giản, Công ty áp dụng phương pháp phi hồi tố.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 99 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN VÀ CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và trên giả định hoạt động liên tục.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (tính từ ngày mua đến ngày đáo hạn), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Các khoản tiền và tương đương tiền bị hạn chế sử dụng không được trình bày tại chi tiêu này mà trình bày tại chi tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” hoặc “Tài sản dài hạn khác” tùy theo thời hạn hạn chế sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ. Thu nhập lãi được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên cơ sở dự thu.

Việc trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được thực hiện khi có bằng chứng cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có khả năng không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng,...). Riêng trường hợp Công ty vay vốn để đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác thì chi phí lãi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính mà không được vốn hóa. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được theo dõi theo giá gốc.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại đơn vị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nhân (x) với phần chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu của đơn vị được đầu tư tại cùng thời điểm.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng hoặc từng dịch vụ cung cấp dở dang có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường và sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường không được trình bày là hàng tồn kho mà được trình bày là tài sản dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.

6. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh (bao gồm các chi phí đã trả tiền trước và các chi phí chưa trả tiền trước) có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh của các kỳ kế toán có liên quan.

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành ngắn hạn (thời gian phân bổ không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) và dài hạn (thời gian phân bổ trên 12 tháng hoặc dài hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường) trên Báo cáo tình hình tài chính. Chi phí chờ phân bổ dài hạn không được tái phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khi lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh từng kỳ được Công ty thực hiện căn cứ vào tính chất, mức độ của từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp. Thời gian và phương pháp phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ của Công ty như sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính (không quá 3 năm).

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định

Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng kể từ kỳ tài sản được sửa chữa, bảo dưỡng hoàn thành, đưa vào sử dụng cho đến lần cần sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo (thường là 24 tháng).

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên tài sản cố định hữu hình được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh. Đối với các tài sản cố định mà theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ phát sinh có giá trị lớn được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tiếp theo.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm (áp dụng từ năm 2024 đến nay)</u>	<u>Số năm (áp dụng từ năm 2023 trở về trước)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 29	10 – 39
Máy móc và thiết bị	05 – 15	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 18	06 – 24
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 06	05 – 06
Tài sản cố định khác	13	13

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét lại ít nhất vào cuối mỗi năm tài chính và điều chỉnh nếu cần thiết.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 12 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt, bao gồm cả chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay ("VAS 16"). Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao cho đến khi hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng. Khi hoàn thành, toàn bộ chi phí được kết chuyển sang khoản mục phù hợp tùy theo mục đích sử dụng thực tế, bao gồm tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho và được tính khấu hao/hao mòn từ thời điểm đưa vào sử dụng.

Chi phí nâng cấp, cải tạo tài sản cố định đang thực hiện được tập hợp riêng và khi hoàn thành được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng.

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh thường xuyên hàng kỳ để tài sản hoạt động bình thường được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Đối với các tài sản cố định theo yêu cầu kỹ thuật phải được sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ, chi phí phát sinh được tập hợp riêng. Khi hoàn thành, chi phí được kết chuyển sang chi phí chờ phân bổ và phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh cho đến kỳ bảo dưỡng tiếp theo.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh: các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

từ, hồ sơ, tài liệu kế toán; các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép; và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh khác phải trích trước (như chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ, chi phí lãi vay phải trả).

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả Cổ tức cho các cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ của doanh nghiệp.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền Công ty sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng phải trả tiền sử dụng nước thô. Công ty trích lập dự phòng khi phát sinh nghĩa vụ pháp lý theo điều khoản hợp đồng mua bán nước thô, với giá trị của nghĩa vụ được ước tính một cách đáng tin cậy.

Khoản dự phòng được trích lập hàng năm dựa trên tổng chi phí sử dụng nước thô ước tính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tổng chi phí sử dụng nước thô ước tính được xác định dựa trên sản lượng nước thô cấp cho sản xuất nước sạch và đơn giá tạm tính đã được thỏa thuận và thống nhất tại Hợp đồng số 04/2015/HĐ-MBNT ký ngày 04/12/2015.

Tăng, giảm số dư khoản dự phòng sử dụng nước thô cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả Cổ tức như: lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng bằng việc chuyển giao quyền kiểm soát hàng hóa, thành phẩm cho khách hàng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thực hiện cam kết trong hợp đồng, đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực từng kỳ.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ khi đủ điều kiện được vốn hóa.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí được ghi nhận ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn.

Khi Công ty ghi nhận một khoản doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Chi phí tương ứng bao gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất của giao dịch và các chuẩn mực kế toán Việt Nam để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chính sách kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ, các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Hàng quý, Công ty xác định và ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp theo tờ khai thuế. Cuối năm tài chính, Công ty xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp theo tờ khai quyết toán và điều chỉnh chênh lệch so với số đã tạm ghi nhận trong năm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung.

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Các cổ đông là tổ chức có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.
- Các cá nhân có quyền biểu quyết trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, các thành viên quản lý khác và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp mà các cá nhân thuộc các nhóm trên nắm giữ tỷ lệ biểu quyết (trực tiếp hoặc gián tiếp) đủ lớn để có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến doanh nghiệp đó, bao gồm các doanh nghiệp được sở hữu bởi thành viên quản lý chủ chốt hoặc cổ đông chính của Công ty và các doanh nghiệp có chung thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.
- Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi cá nhân đó khi giao dịch với Công ty, bao gồm: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột.

Giao dịch giữa các bên liên quan là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tính chất rủi ro và lợi ích kinh tế là căn cứ chủ yếu để xác định báo cáo bộ phận chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý. Nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về sản phẩm và dịch vụ thì báo cáo chính yếu được lập theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý. Ngược lại, nếu rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi sự khác biệt về khu vực địa lý thì báo cáo chính yếu được lập theo khu vực địa lý và báo cáo thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Cơ cấu tổ chức, quản lý và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty là cơ sở chính để xác định báo cáo bộ phận chính yếu hay thứ yếu.

Một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu có nguồn gốc từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài và đáp ứng ít nhất một trong các ngưỡng:

- doanh thu của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng doanh thu của tất cả các bộ phận; hoặc
- kết quả kinh doanh của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận có lãi hoặc tổng kết quả kinh doanh của tất cả các bộ phận bị lỗ (tùy theo giá trị tuyệt đối nào lớn hơn); hoặc
- tổng tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng, bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	12.539.446.761	504.861.781
Tiền gửi không kỳ hạn	104.137.030.371	17.860.175.911
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	91.850.245.850	6.958.292.834
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.795.417.091	7.182.427.413
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.025.130.822	1.987.971.251
- Các ngân hàng khác	3.466.236.608	1.731.484.413
Tương đương tiền	16.498.175.863	158.112.431.379
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	10.000.000.000	150.000.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.376.393.426	6.309.081.072
- Lãi dự thu của tương đương tiền	121.782.437	1.803.350.307
Cộng	133.174.652.995	176.477.469.071

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng và 12 tháng, lãi suất từ 2,9% đến 8%/ năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc. Chi tiết:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	89.651.242.589	9.651.242.589
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn	87.388.006.154	67.140.154.819
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.885.179.942	546.953.658
Cộng	178.924.428.685	77.338.351.066

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (*)	13.790.916.000	(3.453.126.105)	13.790.916.000	(507.962.554)
Cộng	13.790.916.000	(3.453.126.105)	13.790.916.000	(507.962.554)

- (*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty sở hữu 345.181 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND, tương đương 10,11% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (không thay đổi so với số đầu năm).

Giá trị có thể thu hồi

Giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An không thể xác định một cách đáng tin cậy do Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (mã: CNA, sàn UPCOM) không có giao dịch trong 30 phiên gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty đã ước tính mức dự phòng tổn thất là 3.453.126.105 VND dựa trên thông tin sẵn có. Đây là ước tính kế toán quan trọng và có thể thay đổi khi có thông tin đầy đủ hơn.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	507.962.554	384.042.920
Trích lập dự phòng bổ sung	2.945.163.551	123.919.634
Số cuối kỳ	3.453.126.105	507.962.554

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Tuệ	12.167.500.493	-	10.937.133.000	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu về chuyển nhượng Trạm Nam Đàn (*)</i>	<i>10.832.373.000</i>	<i>-</i>	<i>10.832.373.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu về bán vật tư khởi động mềm</i>	<i>104.760.000</i>	<i>-</i>	<i>104.760.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu về cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.230.367.493</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Phải thu khách hàng tiền nước và lắp đặt	10.545.305.384	(283.121.361)	8.683.125.309	-
Phải thu các khách hàng quá hạn thanh toán (Xem thuyết minh V.6)	14.978.306.202	(14.978.306.201)	14.978.432.282	(14.978.432.282)
Cộng	37.691.112.079	(15.261.427.562)	34.598.690.591	(14.978.432.282)

- (*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Tuệ (Bên B) về chuyển nhượng hệ thống cấp nước Trạm cấp nước Nam Đàn kèm theo quyền và nghĩa vụ thực hiện hợp đồng dịch vụ cấp nước với khách hàng theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 01-TNĐ/HĐ/2025 ngày 09/5/2025: Giá trị 27.000.000.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Theo quy định tại hợp đồng, thời hạn thanh toán Đợt 1 là 20.000.000.000 VND, chậm nhất vào ngày 14/5/2025. Đợt 2 thanh toán số tiền còn lại trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày Bên B hoàn thành đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất. Thời gian bàn giao tài sản: ngày 14/5/2025.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Hợp đồng số 02-TNĐ/HĐ/2025 ngày 15/7/2025: Giá trị 1.029.430.000 VND (chưa bao gồm thuế GTGT). Theo quy định tại hợp đồng, thời hạn thanh toán như sau: Thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày Bên B hoàn thành đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất.

Bên B đã hoàn thành thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất và được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất ngày 29/7/2025 mang tên Bên B. Tuy nhiên, đến ngày 30/6/2026, Bên B mới hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Đợt 1 của Hợp đồng số 01, số tiền 20.000.000.000 VND. Công ty tiếp tục vận hành trạm Nam Đàn cho đến khi Công ty Cổ phần Tuệ thanh toán nốt số tiền còn lại theo hợp đồng.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Khánh Hòa	2.130.186.700	(2.130.186.700)	2.130.186.700	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Huy	3.424.680.000	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Lộc Toàn	7.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	4.485.054.830	(3.183.224.764)	3.486.583.383	(1.175.999.164)
Cộng	17.039.921.530	(5.313.411.464)	6.616.770.083	(1.175.999.164)
<i>Trong đó:</i>				
Khoản ứng trước để xây dựng công trình	7.000.000.000	-	7.000.000.000	-

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tạm ứng	8.631.184.086	-	6.617.099.806	-
<i>Trong đó:</i>				
Ông Dương Minh Tuấn	1.683.943.586	-	1.161.090.046	-
Ông Nguyễn Đình Nhật	1.318.544.000	-	-	-
Ông Nguyễn Duy Hưng	1.744.765.121	-	2.049.678.651	-
Ông Lê Viết Hưng	1.215.301.997	-	790.895.652	-
Các nhân viên khác	2.668.629.382	-	2.615.435.457	-
Phải thu người lao động đã nghỉ việc	1.104.821.772	(1.104.821.772)	1.104.821.772	(1.104.821.772)
Các khoản khác	658.223.548	(409.813.268)	415.745.057	(317.132.368)
Cộng	10.394.229.406	(1.514.635.040)	8.137.666.635	(1.421.954.140)

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền bảo lãnh cố định nộp cho Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Hạ tầng Đô thị Vinh để bảo lãnh cấp phép tất cả các công trình thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Vinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Phải thu khách hàng	15.261.427.562	(15.261.427.562)	14.978.432.282	(14.978.432.282)
BQLDA Đầu tư xây dựng cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	(3.069.641.000)	3.069.641.000	(3.069.641.000)
Công trình Hồ Bá Hạ	2.197.138.000	(2.197.138.000)	2.197.138.000	(2.197.138.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	9.994.648.562	(9.994.648.562)	9.711.653.282	(9.711.653.282)
Phải thu khác	1.514.635.040	(1.514.635.040)	1.421.954.140	(1.421.954.140)
Phải thu người lao động đã nghỉ việc	1.104.821.772	(1.104.821.772)	1.104.821.772	(1.104.821.772)
Các tổ chức và cá nhân khác	409.813.268	(409.813.268)	317.132.368	(317.132.368)
Trả trước cho người bán	5.313.411.464	(5.313.411.464)	1.175.999.164	(1.175.999.164)
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Khánh Hòa	2.130.186.700	(2.130.186.700)	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Hùng	311.700.000	(311.700.000)	311.700.000	(311.700.000)
Công ty Cổ phần Xây lắp Tuần	311.146.800	(311.146.800)	-	-
Miền Trung				
Sở Tài chính Nghệ An	309.668.000	(309.668.000)	309.668.000	(309.668.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	2.250.709.964	(2.250.709.964)	554.631.164	(554.631.164)
Cộng	22.089.474.066	(22.089.474.066)	17.576.385.586	(17.576.385.586)

Đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo thời gian nợ quá hạn (xem Thuyết minh IV.4). Công ty không xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ này do không có đầy đủ thông tin cập nhật về tình hình tài chính, khả năng thanh toán của khách nợ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	17.576.385.586	17.732.828.604
Trích lập dự phòng bổ sung	4.513.214.561	162.092.900
Hoàn nhập dự phòng	(126.081)	(317.437.966)
Số cuối kỳ	22.089.474.066	17.577.483.538

Lý do trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi: Các khoản phải thu tồn đọng trong thời gian dài và Công ty đánh giá có rủi ro không thu hồi được; do đó, Công ty thực hiện trích lập dự phòng ở mức 100% giá trị các khoản phải thu này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	62.343.095.070	-	63.433.374.476	-
Công cụ, dụng cụ	10.555.959.626	-	10.473.396.748	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	26.215.230	-
Cộng	72.899.054.696	-	73.932.986.454	-

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

8. Chi phí chờ phân bổ**8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn là chi phí sửa chữa tài sản cố định còn phải phân bổ.

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	239.307.353	569.816.628
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.583.028.882	2.041.435.956
Cộng	1.822.336.235	2.611.252.584

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	620.470.926.980	111.140.772.787	580.291.781.699	572.975.000	4.239.669.084	1.316.716.125.550
Mua trong kỳ	-	331.700.000	-	-	-	331.700.000
Số cuối kỳ	620.470.926.980	111.472.472.787	580.291.781.699	572.975.000	4.239.669.084	1.317.047.825.550
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	145.413.224.289	108.645.387.029	238.469.131.719	572.975.000	4.239.669.084	497.340.387.121
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	389.054.238.860	109.358.627.386	445.640.896.749	572.975.000	4.239.669.084	948.866.407.079
Khấu hao trong kỳ	24.261.416.491	227.031.609	22.104.050.446	-	-	46.592.498.546
Số cuối kỳ	413.315.655.351	109.585.658.995	467.744.947.195	572.975.000	4.239.669.084	995.458.905.625
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	231.416.688.120	1.782.145.401	134.650.884.950	-	-	367.849.718.471
Số cuối kỳ	207.155.271.629	1.886.813.792	112.546.834.504	-	-	321.588.919.925
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Tài sản cố định hữu hình được dùng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 189.419.214.445 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An.

10. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	837.400.000	(498.382.658)	339.017.342
Khấu hao trong kỳ	-	(41.987.658)	(41.987.658)
Số cuối kỳ	837.400.000	(540.370.316)	297.029.684

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 280.800.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, danh mục các tài sản cố định vô hình như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phần mềm VPĐT và quản lý nhân sự	188.000.000	(159.166.620)	28.833.380
Phần mềm kế toán	230.800.000	(230.800.000)	-
Phần mềm ứng dụng dùng để giám sát và vận hành chương trình Scada	318.600.000	(55.155.484)	263.444.516
Các tài sản cố định vô hình khác	100.000.000	(95.248.212)	4.751.788
Cộng	837.400.000	(540.370.316)	297.029.684

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển chi phí chờ phân bổ	Kết chuyển chi phí	Số cuối kỳ
<i>Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ TSCĐ</i>	8.688.724.104	15.219.678.242	(857.651.076)	(2.602.243.684)	20.448.507.586
Di dời tuyến ống cấp Quốc lộ 46	7.880.386.961	9.783.415.517	-	-	17.663.802.478
Lắp đặt tuyến ống nhựa HDPE DN355 (*)	412.246.232	1.977.376.125	-	-	2.389.622.357
Các công trình khác	396.090.911	3.458.886.600	(857.651.076)	(2.602.243.684)	395.082.751
Cộng	8.688.724.104	15.219.678.242	(857.651.076)	(2.602.243.684)	20.448.507.586

(*) Lắp đặt tuyến ống nhựa HDPE DN355 đường Phạm Hồng Thái để cấp nước cho các xóm 1, 2, 3, 4, 5, 6 xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (xã Hưng Thịnh cũ).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An	2.027.675.160	13.027.675.160
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Hạ tầng Đô thị Vinh	13.804.265.570	12.451.005.446
Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu xanh	5.551.490.656	1.994.986.433
Các nhà cung cấp khác	28.645.340.642	28.771.997.263
Cộng	50.028.772.028	56.245.664.302

12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hà Huy	4.080.578.000	4.080.578.000
Dự án Hồ lãg bùn Hưng Vĩnh	2.574.854.000	2.574.854.000
Các nhà cung cấp khác	8.136.660.462	8.136.660.462
Cộng	14.792.092.462	14.792.092.462

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tuệ	1.153.614.889	423.814.752
Các khách hàng khác	3.700.708.920	2.620.910.076
Cộng	4.854.323.809	3.044.724.828

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	-	6.155.152.192	(6.009.268.209)	145.883.983	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	62.493.621	7.793.997.624	(6.514.937.121)	1.216.566.882	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	447.357.393	(447.357.393)	-	-
Thuế tài nguyên	7.248.160	-	48.557.360	(47.104.300)	8.701.220	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	33.116.377	(33.116.377)	-	-
Tiền thuê đất	-	3.397.378	123.437.529	(123.437.529)	-	3.397.378
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	269.048.987	(269.048.987)	-	-
Phí bảo vệ môi trường	489.193.580	-	5.135.243.617	(4.218.015.853)	1.406.421.344	-
Lệ phí môn bài	-	-	16.000.000	(16.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.265.461.194	(3.265.461.194)	-	-
Cộng	496.441.740	65.890.999	23.287.372.273	(20.943.746.963)	2.777.573.429	3.397.378

Toàn bộ nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác được thanh toán trong ngắn hạn.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch : 5%
- Lắp đặt, xây lắp và các dịch vụ khác : 8%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.112.451.330	1.574.388.332
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.252.343.194	2.673.146
• Các khoản điều chỉnh tăng khác	3.252.343.194	2.673.146
<i>Phạt chậm nộp thuế</i>	<i>3.252.343.194</i>	<i>2.673.146</i>
• Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	14.364.794.524	1.577.061.478
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.872.958.905	315.412.296
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	4.921.038.719	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.793.997.624	315.412.296

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước mặt để sản xuất nước sạch với giá tính thuế đơn vị tài nguyên 2.000 VND/m³ với thuế suất 1%.

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1 m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	14.331.144.432	10.354.446.600
Tiền thưởng phải trả	12.794.572.000	7.833.328.000
Cộng	27.125.716.432	18.187.774.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí đi vay phải trả	994.594.863	1.116.013.229
Chi phí sử dụng nước thô	17.218.134.000	-
Chi phí thuê lắp đặt cụm đồng hồ	2.060.978.753	-
Chi phí thi công nhà tình nghĩa	7.000.000.000	-
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	517.396.100	467.598.768
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.920.295.733	1.170.178.629
Cộng	29.711.399.449	2.753.790.626

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	213.950.009	212.917.961
Bảo hiểm xã hội	727.291.823	-
Phải trả về cổ phần hóa	14.300.000	14.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.025.947.629	1.010.948.770
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.350.979.313	6.050.960.743
Cộng	8.332.468.774	7.289.127.474

18. Vay**18a. Vay ngắn hạn**

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.18b). Chi tiết:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bộ Tài chính - Dự án Vinh	9.402.690.489	9.552.092.983
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh	17.033.174.552	17.033.174.552
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Giảm thất thoát nước	89.914.417	111.922.136
Cộng	26.525.779.458	26.697.189.671

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn đến hạn trả như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	26.697.189.671	26.661.588.643
Kết chuyển từ vay dài hạn	13.166.341.535	13.333.017.618
Số tiền vay đã trả	(13.337.751.748)	(13.374.040.199)
Số cuối kỳ	26.525.779.458	26.620.566.062

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bộ Tài chính - Dự án Vinh ⁽ⁱ⁾	-	4.626.644.008
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Phụ cận Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	85.165.872.776	93.682.460.052
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An - Dự án Giảm thất thoát nước ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.111.146.546	1.138.409.650
Cộng	86.277.019.322	99.447.513.710

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay theo Hiệp định vay phụ ngày 28/8/1997 giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước tỉnh Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An); Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/4/2008. Số tiền gốc của khoản vay phụ là 138.799.320.066 VND; Khoản vay phụ sẽ được hoàn trả trong 25 năm, trong đó có 5 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn là ngày 20/3/2002, mỗi năm trả nợ và lãi 2 kỳ vào ngày 15/1 và ngày 15/7 hàng năm, lãi suất của Hiệp định vay sửa đổi theo Phụ lục là 5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Hợp đồng vay vốn ODA ngày 27/9/2011 giữa Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) phục vụ cho Dự án: Hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh; Tổng số vốn vay theo Hợp đồng là 10.272.000 EUR; đồng tiền vay và trả nợ là Việt Nam Đồng; Lãi suất cho vay lại: 70% tổng số vốn vay áp dụng lãi suất là 3,2%/năm tính trên số dư nợ, 30% tổng số vốn vay còn lại áp dụng mức lãi suất là 5,3%/năm trên số dư nợ, mỗi năm trả nợ và lãi 2 kỳ vào ngày 15/6 và ngày 15/12 hàng năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay Chính phủ Phần Lan.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng vay phụ ngày 09/07/2013 giữa Bộ Tài chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) về việc sử dụng khoản vay số 2691-VIE và khoản vay số 3251 vay vốn OCR của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là phí cam kết khoản vay phải trả 50.822,97 USD. Đến thời điểm hiện tại khoản vay chưa được giải ngân, đồng thời Công ty đang trình Bộ Tài chính xin hủy khoản vay này.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	26.525.779.458	26.697.189.671
Trên 1 năm đến 5 năm	68.492.355.877	73.120.244.991
Trên 5 năm	17.784.663.445	26.327.268.719
Cộng	112.802.798.780	126.144.703.381

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	99.447.513.710	126.025.436.636
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(13.166.341.535)	(13.333.017.618)
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán	(4.152.853)	-
Số cuối kỳ	86.277.019.322	112.692.419.018

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Khoản dự phòng được trích lập trong kỳ liên quan đến Hợp đồng mua bán nước thô số 04/2015/HĐ-MBNT ngày 04 tháng 12 năm 2015 ký với Công ty Cổ phần Cấp nước Sông Lam. Ngày 18/01/2021, Công ty đã gửi văn bản tới Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam về việc đề nghị mua nước thô với mức giá 630 đồng/m³ nhưng Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam không phản hồi. Từ đó tới nay, hai bên không có liên lạc dẫn đến không có số liệu mua bán nước thô. Do đó, Công ty ước tính dự phòng phải trả chi phí mua nước thô từ ngày 01/02/2021 đến ngày 30/6/2026 trên cơ sở sản lượng nước thô cấp cho sản xuất nước sạch và đơn giá tạm tính là 1.950 VND/m³ theo đơn giá quy định trong hợp đồng. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	134.933.782.998	120.901.582.998
Tăng do trích lập	5.200.000.000	6.825.000.000
Số cuối kỳ	140.133.782.998	127.726.582.998

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	4.419.872.510	2.955.241.633	7.375.114.143
Quỹ phúc lợi	38.536.231	-	38.536.231
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	284.327	-	284.327
Cộng	4.458.693.068	2.955.241.633	7.413.934.701

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	373.859.830.000	4.472.240.979	2.939.043.039	381.271.114.018
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	1.258.976.036	1.258.976.036
Trích lập các quỹ	-	1.616.473.672	(2.939.043.039)	(1.322.569.367)
Số dư cuối kỳ trước	373.859.830.000	6.088.714.651	1.258.976.036	381.207.520.687
Số dư đầu năm nay	373.859.830.000	6.088.714.651	19.701.610.883	399.650.155.534
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	3.318.453.706	3.318.453.706
Trích lập các quỹ	-	16.746.369.250	(19.701.610.883)	(2.955.241.633)
Số dư cuối kỳ này	373.859.830.000	22.835.083.901	3.318.453.706	400.013.367.607

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	142.278.360.000	142.278.360.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	-	103.419.400.000
Ông Nguyễn Đức Hải	89.269.000.000	89.269.000.000
Ông Kiều Ngọc Bình	53.471.400.000	52.000.000
Ông Nguyễn Đình Nhật	51.783.000.000	50.000.000
Các cổ đông khác	37.058.070.000	38.791.070.000
Cộng	373.859.830.000	373.859.830.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	37.385.983	37.385.983
- Cổ phiếu phổ thông	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	37.385.983	37.385.983

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2026 như sau:

	VND
• Trích quỹ phát triển sản xuất	: 15.761.288.706
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 2.955.241.633
• Trích quỹ dự phòng vốn điều lệ	: 985.080.544

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

Tài sản cầm cố, thế chấp

	Giá trị sổ sách		Thời gian cầm cố, thế chấp	Bên nhận cầm cố, thế chấp
	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
<i>Tài sản cố định hữu hình (xem Thuyết minh số V.9)</i>				
Nhà cửa vật kiến trúc Xí nghiệp phụ cận Vinh	128.068.267.002	138.740.622.582	Đến khi trả hết nợ	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An
Phương tiện vận tải truyền dẫn Xí nghiệp phụ cận Vinh	61.350.947.443	66.463.526.395		
Cộng	189.419.214.445	205.204.148.977		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Là doanh thu kinh doanh nước sạch và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ liên quan. Trong đó, doanh thu kinh doanh nước sạch trạm Nam Đàn từ tháng 01/2026 đến tháng 6/2026 là 3.733.685.877 VND.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn kinh doanh nước sạch và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ liên quan. Trong đó, chi phí lương nhân viên vận hành trạm Nam Đàn từ tháng 01/2026 đến tháng 3/2026 là 388.095.000 VND, chi phí quản lý vận hành trạm Nam Đàn từ tháng 04/2026 đến tháng 6/2026 là 2.119.579.287 VND.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.135.041.282	1.286.437.587
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	33.562.749	73.437.782
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.152.853	-
Cộng	4.172.756.884	1.359.875.369

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	3.166.174.038	3.714.090.020
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	2.945.163.551	123.919.634
Cộng	6.111.337.589	3.838.009.654

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.249.390.899	7.056.680.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	127.985.492	172.269.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.779.185	36.078.338
Chi phí thu hộ tiền nước	782.183.026	490.157.800

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các chi phí khác	106.100.000	268.979.500
Cộng	11.357.438.602	8.024.165.391
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	28.008.495.680	12.072.944.400
Chi phí vật liệu quản lý	41.283.467	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	410.167.318	962.018.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	951.238.421	1.294.073.532
Thuế, phí và lệ phí	561.514.918	299.105.932
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.513.088.480	(155.345.066)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.912.453.443	2.749.701.483
Chi phí dịch vụ quản lý phần mềm	4.800.000.000	-
Các chi phí khác	1.330.957.333	1.042.859.879
Cộng	44.529.199.060	18.265.358.812
7. Thu nhập khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	11.839.600	-
Tiền đền bù di dời hệ thống cấp nước	-	200.000.000
Các khoản thu nhập khác	367.830.855	233.128.295
Cộng	379.670.455	433.128.295
8. Chi phí khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hành chính về thuế	3.252.343.194	2.673.146
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	-	722.422.000
Chi hỗ trợ, tài trợ	7.700.000.000	-
Các chi phí khác	81.130.658	91.065.669
Cộng	11.033.473.852	816.160.815
9. Lãi trên cổ phiếu		
9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay ⁽ⁱⁱ⁾	Năm trước ⁽ⁱ⁾
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.318.453.706	1.258.976.036
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(497.768.056)	(1.477.620.817)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.820.685.650	(218.644.781)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	37.385.983	37.385.983
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	75	(6)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại, giảm từ 19 VND xuống còn âm 6 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2026.
- (ii) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này, quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế kỳ này. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm 2025.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	50.048.174.548	42.538.085.621
Chi phí nhân công ⁽ⁱ⁾	62.023.479.217	33.638.819.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định ⁽ⁱⁱ⁾	46.634.486.204	62.223.565.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.035.907.472	24.435.047.802
Chi phí khác	11.972.941.603	6.256.094.533
Cộng	205.714.989.044	169.091.613.511

- (i) Chi phí nhân công kỳ này tăng mạnh do có trích trước tiền lương để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm và tiền thưởng cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026.
- (ii) Chi phí khấu hao trong kỳ giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do Công ty đã thanh lý Trạm cấp nước Nam Đàn cho Công ty Cổ phần Tuệ theo Biên bản bàn giao ngày 01/8/2025. Theo đó, tài sản này không còn được trích khấu hao trong kỳ. Bên cạnh đó, một số tài sản cố định khác của Công ty đã hết thời gian khấu hao, dẫn đến chi phí khấu hao trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm trước.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt; các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

	Chức danh	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	-	-	90.000.000
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên HĐQT kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc	192.311.000	274.800.000	30.000.000	497.111.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	165.170.000	54.800.000	45.000.000	264.970.000
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng BKS	79.346.000	-	37.800.000	117.146.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	-	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Châu	Thành viên BKS	-	-	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	293.643.000	288.600.000	-	582.243.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	319.175.000	274.800.000	-	593.975.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	136.817.000	106.400.000	-	243.217.000
Cộng		1.276.462.000	999.400.000	148.800.000	2.424.662.000
Kỳ trước					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	90.000.000	50.000.000	-	140.000.000
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên HĐQT kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc	173.324.000	153.476.000	30.000.000	356.800.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	134.446.000	121.063.000	45.000.000	300.509.000
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng BKS	115.058.000	40.050.000	-	155.108.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên BKS	-	10.000.000	18.000.000	28.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Châu	Thành viên BKS	-	10.000.000	18.000.000	28.000.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	252.400.000	204.336.000	-	456.736.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	265.216.000	197.382.000	-	462.598.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	153.024.000	93.509.000	-	246.533.000
Cộng		1.183.468.000	879.816.000	111.000.000	2.174.284.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	Cổ đông lớn (đến ngày 05/06/2026)

Giao dịch và công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh nước sạch và chỉ kinh doanh trong một khu vực địa lý là tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Áp dụng quy định của chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, Công ty áp dụng Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Một số số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	
<i>Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ</i>					
Các khoản tương đương tiền	112	156.309.081.072	1.803.350.307	158.112.431.379	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	76.791.397.408	546.953.658	77.338.351.066	(*)
Phải thu ngắn hạn khác	252	10.487.970.600	(2.350.303.965)	8.137.666.635	(*)

(*) Trình bày lại các khoản dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” và “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn”.

4. Các giả định và ước tính quan trọng

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các giả định và ước tính có ảnh hưởng đến số liệu tài sản, nợ phải trả, doanh thu và chi phí. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính này. Các giả định và ước tính quan trọng được Ban Tổng Giám đốc đánh giá và cập nhật thường xuyên dựa trên kinh nghiệm lịch sử và các yếu tố liên quan khác.

Các ước tính dưới đây được Ban Tổng Giám đốc xác định là có khả năng ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo nếu các giả định thay đổi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Công ty ước tính khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi dựa trên đánh giá khả năng thu hồi của từng khoản nợ phải thu theo tuổi nợ và tình hình tài chính của từng khách hàng. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc dự báo khả năng thanh toán của khách hàng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế biến động.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng số dư nợ phải thu khách hàng là 37.691.112.079 VND, trong đó Công ty đã trích lập dự phòng 15.261.427.562 VND. Đối với các khoản công nợ được đánh giá có rủi ro không thu hồi được, Công ty đã trích lập dự phòng 100% giá trị công nợ. Do đó, biến động về khả năng thu hồi theo hướng thấp hơn ước tính hiện tại không làm phát sinh thêm dự phòng đối với các khoản này; trong trường hợp khả năng thu hồi cao hơn ước tính, Công ty có thể phải hoàn nhập một phần dự phòng đã trích lập, qua đó làm giảm chi phí và tăng lợi nhuận trước thuế tương ứng.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng tổn thất thực tế vượt quá mức dự phòng đã trích lập là thấp dựa trên lịch sử thanh toán của khách hàng và các thông tin hiện có về tình hình tài chính của từng đối tượng nợ.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau để hạn chế rủi ro nợ khó đòi:

- Tăng cường theo dõi và đôn đốc thu hồi công nợ định kỳ.
- Yêu cầu tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh đối với các khoản nợ có giá trị lớn.
- Rà soát hạn mức tín dụng cho từng khách hàng hàng quý.
- Khởi kiện hoặc áp dụng biện pháp pháp lý đối với các khoản nợ quá hạn trên 30 ngày.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32, đường Phan Đăng Lưu, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ước tính thời gian sử dụng hữu ích và giá trị thu hồi của tài sản cố định

Công ty ước tính thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định dựa trên đánh giá kỹ thuật và kinh nghiệm sử dụng thực tế. Sự không chắc chắn phát sinh từ việc thay đổi công nghệ, cường độ sử dụng và điều kiện bảo dưỡng thực tế khác với giả định ban đầu, dẫn đến thời gian sử dụng thực tế có thể ngắn hơn hoặc dài hơn ước tính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tổng nguyên giá tài sản cố định là 1.317.885.225.550 VND, giá trị còn lại 321.885.949.609 VND.

Ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính thời gian sử dụng hữu ích phụ thuộc vào đặc điểm kỹ thuật, điều kiện vận hành, mức độ hao mòn của từng nhóm tài sản, mức điều chỉnh ước tính và thời điểm phát sinh thay đổi. Do các yếu tố này khác nhau giữa từng nhóm tài sản, Ban Giám đốc không có cơ sở phù hợp để áp dụng một giả định chung nhằm xác định một cách đáng tin cậy ảnh hưởng của việc thay đổi ước tính tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Ảnh hưởng cụ thể sẽ được xác định khi Công ty có đầy đủ căn cứ để điều chỉnh ước tính.

Việc thay đổi thời gian sử dụng hữu ích của một nhóm tài sản sẽ làm thay đổi chi phí khấu hao của kỳ phát sinh thay đổi và các kỳ tương lai bị ảnh hưởng trong thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản đó. Thay đổi này (nếu có) sẽ được ghi nhận phi hồi tố theo quy định về thay đổi ước tính kế toán.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thời gian sử dụng hữu ích thực tế khác biệt đáng kể so với ước tính là thấp đối với phần lớn tài sản, ngoại trừ một số máy móc thiết bị chuyên dụng trong môi trường hoạt động khắc nghiệt có mức độ không chắc chắn cao hơn.

Ban Tổng Giám đốc thực hiện các biện pháp sau:

- Rà soát và điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích định kỳ hàng năm.
- Thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Đánh giá dấu hiệu tổn thất tài sản tại mỗi ngày báo cáo theo quy định.
- Lập kế hoạch đầu tư thay thế tài sản kịp thời để tránh gián đoạn sản xuất kinh doanh.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày Báo cáo tài chính được phê duyệt phát hành, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người đại diện theo pháp luật



Hoàng Văn Hải